

Bản án số: 157/2025/DS-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v tranh chấp “*quyền sử dụng
đất, yêu cầu tháo dỡ di dời công
trình kiến trúc có trên đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Ngọc Liêm và ông Tôn Phước Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1176/2024/TLST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “*Quyền sử dụng đất, tháo dỡ di dời công trình kiến trúc trả đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 289/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Châu Tuấn K, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Nguyễn Hữu Đ theo Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2025 được Văn phòng C chứng nhận, (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1955, địa chỉ: tổ A, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lâm Ngọc H (Lâm Ngọc T), sinh năm 1983; địa chỉ: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là khóm L, xã C, tỉnh An Giang), (vắng mặt).

- Bà Lâm Thúy D (Lâm Thị O), sinh năm 1979; địa chỉ: địa chỉ: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là khóm L, xã C, tỉnh An Giang), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại phiên hòa giải, nguyên đơn Nguyễn Hữu Đ do ông Châu Tuấn K trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2024, ông Đ có đứng tên phần đất diện tích 1.029,8m², tờ bản đồ số 75, thửa đất số 218 nằm trong giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp ngày 09 tháng 05 năm 2024 cho ông Nguyễn Hữu Đ. Đất tọa lạc tại: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Trước đây ông Đ có cho bà X, bà O, ông T ở đậu trên phần đất và cất một căn nhà gỗ tạp, mái lợp tole để ở. Bà X có ký cam kết sẽ tháo dỡ di dời trả lại phần đất. Đến nay khi được yêu cầu tháo dỡ, di dời trả lại phần đất thì gia đình bà X không đồng ý tháo dỡ, yêu cầu được ở trên phần đất suốt đời. Vì vậy, ông Nguyễn Hữu Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị X và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Ngọc T, bà Lâm Thị O tháo dỡ di dời căn nhà gỗ tạp trả lại phần đất diện tích khoảng 60m² đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang mà bà X đang ở đậu trên khu đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X khai, bà thừa nhận phần đất đang tranh chấp là của ông Nguyễn Hữu Đ (em ruột bà), trước đây bà có xin ông Đ ở nhờ trên phần đất này, bà có xây dựng 01 căn nhà cấp 4; khoảng 6 tháng nay, do bệnh nên bà qua P ở cùng với chị Lâm Thúy D (con ruột bà) đang đi làm ở đó. Bà xác định, bà có 02 người con là Lâm Ngọc H và Lâm Thúy D nhưng 02 con của bà từ trước đến nay không sinh sống trên căn nhà thuộc phần đất của ông Đ. Cụ thể anh H, chị D sinh sống tại khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp L, xã C, tỉnh An Giang), anh H, chị D hoàn toàn không liên quan gì trong vụ án này, không có quyền lợi ảnh hưởng trong vụ án này. Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải lại, không thực hiện lại thủ tục tố tụng nữa mà đề nghị Tòa án xét xử theo quy định. Nay ông Đ yêu cầu bà di dời nhà trả lại đất thì bà đồng ý với điều kiện yêu cầu ông Đ hỗ trợ cho bà số tiền 100.000.000 đồng; do sức khỏe không tốt nên bà xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Bị đơn ông Lâm Ngọc H (Lâm Ngọc T), khai: bà Nguyễn Thị X (mẹ ruột ông) có 02 người con là ông và Lâm Thúy D. Ông xác nhận lại ông tên Lâm Ngọc H chứ không phải tên Lâm Ngọc T, chị ông tên Lâm Thúy D chứ không phải tên Lâm Thị O như nguyên đơn cung cấp; hiện nay ông và chị D vẫn còn cư trú tại ấp

L, xã C, tỉnh An Giang (trước đây là khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang). Ông và chị D từ trước đến nay không sinh sống trên căn nhà thuộc phần đất của ông Đ; ông và chị D hoàn toàn không liên quan gì trong vụ án này, cũng không có quyền lợi ảnh hưởng trong vụ án này. Khi Tòa án thụ lý thì chị em ông biết, nhận được các văn bản tố tụng. Gia đình ông xác định ông Đ kiện là đúng người, địa chỉ. Ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này, xin vắng mặt tại các phiên xét xử. Về nội dung: ông thừa nhận phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Đ, mẹ ông được ông Đ ở nhờ và có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 hứa khi nào mẹ ông chết thì sẽ trả lại, thời điểm này ông Đ đồng ý nhưng giờ thay đổi; thời gian gần đây, mẹ ông bệnh nên qua Phú Q ở với chị D; chị D đi làm ở P nhưng còn đăng ký thường trú tại ấp L, xã C, tỉnh An Giang. Nay ông Đ yêu cầu mẹ ông di dời nhà trả lại đất thì ông đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận ý kiến của mẹ ông; do bận đi làm xa nên ông xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Bị đơn bà Lâm Thị O (Lâm Thúy D), có lời khai hoàn toàn giống với lời khai của ông Lâm Ngọc H em ruột bà; không có ý kiến tranh chấp đối với phần đất mà ông Đ yêu cầu mẹ và chị em bà trả. Trường hợp, Tòa án buộc di dời thì bà có ý kiến xem xét chấp nhận yêu cầu của mẹ bà; xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tổ chức đo đạc bộ đo đạc thuộc Văn phòng Đ1 – Chi nhánh C1 tiến hành đo đạc, định vị quyền sử dụng đất là đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng đang tranh chấp. Kết quả đo đạc được thể hiện tại Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 30/6/2025 (sau đây được viết tắt là Sơ đồ khu đất tranh chấp) do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh C1 lập. Theo đó, phần đất là đối tượng tranh chấp theo chỉ dẫn của ông Đ tại các điểm 14, 15, 16, 17 có diện tích 32,3m² là góc nhà gỗ bà X đang sử dụng và các điểm 18, 19, 20, 21 có diện tích 3,5m² là góc nhà vệ sinh.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn Nguyễn Hữu Đ do ông Châu Tuấn K trình bày, vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ tháo dỡ di dời phần phần căn nhà gỗ tạp trên phần đất tại các điểm 14, 15, 16, 17 có diện tích 32,3m² và nhà vệ sinh trên phần đất tại các điểm 18, 19, 20, 21 trả lại cho ông Đ. Rút lại một phần yêu cầu đối với phần đất diện tích 24,2m² so với yêu cầu ban đầu. Ông Đ chỉ cho bà X ở nhờ nên không đồng ý hỗ trợ chi phí hỗ trợ tháo dỡ, di dời theo yêu cầu của bà X.

Bị đơn Nguyễn Thị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc H (Lâm Ngọc T), Lâm Thúy D (Lâm Thị O) vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến, không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – An Giang phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với đương sự, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234; bị đơn: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 76 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Nguồn gốc đất diện tích 1.029,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp ngày 09/5/2024 cho ông Nguyễn Hữu Đ là của cha mẹ ruột ông Đ, sau khi phân chia tài sản thừa kế, ông Đ được nhận phần diện tích này, được cấp giấy chứng nhận theo quy định; phần nhà của bà X là có trước khi ông Đ, bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi thực hiện việc đo đạc để ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà X có làm văn bản thỏa thuận cam kết ở nhờ (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L), khi nào ông Đ có nhu cầu sử dụng đất thì bà X sẽ trả lại phần diện tích đất, thực hiện tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng của bà X, để trả lại đất cho ông Đ. Tuy nhiên, khi ông Đ có nhu cầu sử dụng, thỏa thuận việc bà X di dời, và đồng ý hỗ trợ tiền di dời, nhưng bà X không chấp nhận, nên ông Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị X cùng 02 người con là Lâm Ngọc H, Lâm Thúy D tháo dỡ, di dời căn nhà trả lại phần đất diện tích 35,8m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 ngày 09/5/2024. Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 24,2m². Kèm theo đơn khởi kiện, ông Đ cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 ngày 09/5/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Đ và tờ cam kết ngày 10/3/2020 của bà X (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L), có nội dung: Bà X thừa nhận ở nhờ trên đất của ông Đ, khi nào ông Đ có nhu cầu sử dụng đất thì bà X sẽ tháo dỡ nhà trả lại đất. Kết quả đo đạc ngày 30/6/2025, phần đất tranh chấp có tổng diện tích 35,8m², gồm diện tích 32,3m² tại các mốc điểm 14,15,16,17 là căn nhà của bà X, diện tích 3,5m² tại các mốc điểm 18,19,20,21 là nhà vệ sinh của bà X, toàn bộ diện tích đất này nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 ngày 09/5/2024 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp cho ông Đ nên việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà X và các con di dời nhà trả lại diện tích đất 35,8m² là có cơ sở. Đối với diện tích đất 24,2m², do ông Đ đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 166 Bộ luật Dân sự, Điều 11, 137 Luật Đất đai năm 2025, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với bà Nguyễn Thị X.

- Buộc bà Nguyễn Thị X, ông Lâm Ngọc H, bà Lâm Thúy D di dời nhà trả lại cho ông Nguyễn Hữu Đ diện tích đất 35,8m², gồm diện tích 32,3m² tại các mốc điểm 14,15,16,17 và diện tích 3,5m² tại các mốc điểm 18,19,20,21 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/6/2025.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với diện tích đất 24,2m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu bà X và các con di dời nhà, công trình kiến trúc trả đất; căn cứ khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định là tranh chấp “*Quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ di dời nhà, vật kiến trúc trả đất*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa bàn khu V - An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang theo quy định tại, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt đương sự: Bị đơn Nguyễn Thị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lâm Ngọc H, Lâm Thúy D vắng mặt tuy đã được triệu tập hợp lệ đến là thứ hai đúng theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Qua trích lục nguồn gốc quyền sử dụng đất diện tích 1.029,8m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp ngày 09/5/2024 cho ông Đ là của cha mẹ ruột ông Đ; ông Đ được nhận sau khi phân chia tài sản thừa kế thời điểm này đã có căn nhà của bà X. Quá trình đo đạc, bà X làm văn bản thỏa thuận cam kết ở nhờ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L B để ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nội dung cam kết thể hiện: “*khi nào ông Đ có nhu cầu sử dụng đất thì bà X sẽ trả lại phần diện tích đất, thực hiện tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng của bà X, để trả lại đất cho ông Đ*”. Khi ông Đ có nhu cầu sử dụng, có thỏa thuận hỗ trợ tiền để bà X di dời nhưng bà X không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Ông

Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị X cùng 02 người con là Lâm Ngọc H, Lâm Thúy D tháo dỡ, di dời căn nhà trả lại phần đất diện tích 60m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 ngày 09/5/2024. Tại phiên tòa, ông Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất diện tích đất 24,2m², chỉ yêu cầu bà X và các con tháo dỡ, di dời nhà, nhà vệ sinh trả lại ông phần đất diện tích 35,5m². Căn cứ tài liệu, chứng cứ ông Đ cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp ngày 09/5/2024 cho ông Đ và tờ cam kết của bà X đề ngày 10/3/2020 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L), thể hiện nội dung: “*Bà X thừa nhận ở nhờ trên đất của ông Đ, khi nào ông Đ có nhu cầu sử dụng đất thì bà X sẽ tháo dỡ nhà trả lại đất*”. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị X, ông Lâm Ngọc H, bà Lâm Thúy D xác định bà X chỉ ở nhờ trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Đ.

Trên cơ sở kết quả đo đạc ngày 30/6/2025 thể hiện phần đất tranh chấp có tổng diện tích 35,8m², gồm diện tích 32,3m² tại các mốc điểm 14, 15, 16, 17 là căn nhà của bà X và diện tích 3,5m² tại các mốc điểm 18, 19, 20, 21 là nhà vệ sinh của bà X, toàn bộ diện tích đất này nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp ngày 09/5/2024 cho ông Đ nên việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà X và các con di dời nhà trả lại diện tích đất 35,8m² là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với phần đất diện tích đất 24,2m² so với yêu cầu khởi kiện ban đầu; do trước đây, ông Đ chỉ ước tính, chưa xác định cụ thể. Vì vậy, tại phiên tòa ông Đ tự nguyện rút lại nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến của bà X về việc yêu cầu ông Đ hỗ trợ chi phí di dời số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, trên cơ sở phân tích, quyền sử dụng đất là của ông Đ, bà X có thỏa thuận cam kết ở nhờ khi nào ông Đ có nhu cầu sử dụng sẽ trả, không thể hiện thỏa thuận nào khác; ông Đ không đồng ý hỗ trợ nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bà X.

[5] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu chi phí thẩm định, định giá, đo đạc; do ông Đ đã nộp nên bà X phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 2.445.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn).

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu án phí, ông Đ được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

0023328 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang).

Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đánh giá quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 166, Điều 280, 298 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 11, 137 Luật Đất đai năm 2025; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với bà Nguyễn Thị X.

Buộc bà Nguyễn Thị X, ông Lâm Ngọc H, bà Lâm Thúy D tháo dỡ, di dời căn nhà gỗ tại các điểm 14, 15, 16, 17 có diện tích tích 32,8m² và nhà vệ sinh tại các điểm 18, 19, 20, 21 có diện tích 3,5m² trả lại phần đất tổng diện tích 35,8m² nằm trong phần diện tích 1.029,8m², tờ bản đồ số 75, thửa đất số 218 theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CN06537 do Văn phòng Đ1 chi nhánh C1 cấp ngày 09 tháng 05 năm 2024 cho ông Nguyễn Hữu Đ theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh C1 lập ngày 30/6/2025.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh C1 lập ngày 30/6/2025 là một phần không thể tách rời bản án).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ đối với phần đất diện tích 24,2m².

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu Đ số tiền 2.445.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn).

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Hữu Đ được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn), án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0023328 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang).

Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn), án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự gồm nguyên đơn, đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11 – An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong